TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2023/HC-PT
Ngày: 17 - 5 - 2023
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Vũ Đức Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 821/2022/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2022 về *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1860/2023/QĐPT ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Võ Văn B, sinh năm 1957 (vắng mặt);

1.2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng trú tại: 254 ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé Hai - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cá, Thị trấn Tân Hiệp, huyện D, tỉnh A

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Mỹ Linh, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 79, ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố G, tỉnh A (có mặt).

3.2. Chị Võ Thị H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A (có mặt).

3.3. Anh Võ Thanh K, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A (vắng mặt);

3.4. Chị Võ Thị L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A (vắng mặt)

3.5. Bà Trương Hồng M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

3.6. Anh Nguyễn Tân N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

3.7. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

3.8. Chị Nguyễn Thùy Tuyết V, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Võ Văn B, bà Phạm Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Võ Văn B bà Phạm Thị C trình bày:*

Trước đây, năm 1974 cô Lâm Thị Tư (hiện đã chết) có cho cha ông bà là ông Võ Văn Mai (hiện đã chết) một phần đất diện tích 950m^2, số địa bộ 855, số bản đồ 105 tọa lạc tại ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A có ranh giới tứ cận là Đông giáp đường sông, Nam giáp đất chợ, Tây giáp đất Bùi Thị Tươi và Bắc giáp Đặng Văn Dỏng theo Trích lục địa bộ của Tỉnh Định Tường (chế độ cũ) ngày 27/06/1972 (Theo văn tự được xác định đất là của bà Lâm Thị Hào, vào năm 1974 được cô Lâm Thị Tư là chị ruột hưởng thừa kế).

Đến năm 1979 cha ông bà cho ông Nguyễn Văn Cương (cha anh Nguyễn Văn E) mượn khoảng 200m^2 đất để xây cất nhà máy xay lúa, khi mượn đất 02 bên có thỏa thuận là khi nào nhà máy ngừng hoạt động thì trả lại phần đất đã mượn. Năm 1995, nhà máy ngưng hoạt động nên phía người khởi kiện có yêu cầu trả lại đất nhưng anh Sơn (là người thừa kế của ông Cương, mất năm 1989) không đồng ý trả.

Năm 1996, các bên xảy ra tranh chấp; Năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 37/QĐUB ngày 26 tháng 01 năm 1999 (gọi tắt là "QĐ số 37") về việc giải quyết tranh chấp Quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn B và ông Nguyễn Văn E với nội dung là không chấp nhận yêu cầu đòi Quyền sử dụng đất diện tích 200m^2 tọa lạc tại ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A của ông, bà và công nhận thửa đất 750, diện tích 150m^2 tọa lạc tại ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm

thuộc Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn E (trước đó được gọi là thửa đất tạm 801, diện tích 200m^2).

Đến ngày 18/06/2020, phía nguyên đơn có làm đơn yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Điềm và được trả lời bằng Công văn số 24/CV-UBND ngày 20/7/2020 với nội dung là yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Dưỡng Điềm do việc tranh chấp đã được giải quyết tại Uỷ ban nhân dân huyện D thông qua Quyết định số 37 và được hướng dẫn liên hệ Tòa án huyện D để được giải quyết theo thẩm quyền nên phía người khởi kiện mới biết được là vào năm 2003 phần diện tích 200m^{2}đất, thửa 801 nêu trên thì ông E đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, khi anh Sơn tiến hành hợp thửa với diện tích 3.752,6m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/04/2004, thì lại bao trùm luôn phần đất diện tích 417m^2 (ngang 23, dài 18; hướng Nam phần đất này giáp với thửa số 33) là của ông;

Nay phía người khởi kiện cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.752,6m^2 tọa lạc tại xã Dưỡng Điềm, huyện D, tỉnh A cho hộ ông Nguyễn Văn E là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà nên yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 7, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.752,6m^2 nêu trên.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D có đơn xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn E có đại diện theo ủy quyền là chị Dương Mỹ Linh thống nhất trình bày ý kiến:*

Phần đất của ông trước đây có tranh chấp với cha của ông Võ Văn B là ông Võ Văn Mai đối với đoạn giáp ranh với thửa đất của ông Mai (nay là đất của ông B). Theo đó, sự việc đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực của Ủy ban nhân dân huyện D (Quyết định số 37 ngày 26/01/1999) và xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 750 diện tích 150m^2 (nay thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 6 do đo đạc hợp thửa) thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông B và bà C ông không đồng ý, vì không còn quyền khởi kiện do ông B và bà C biết sự việc ông được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã rất nhiều năm nên hết thời hạn khởi kiện theo luật định. Trường hợp Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án thì ông vẫn yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện do sự việc đã được giải quyết đúng quy định pháp luật về cả hình thức và nội dung.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Hồng M, anh Nguyễn Tân N, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thùy Tuyết V đều có đơn xin vắng mặt và thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn E.*

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A, quyết định:*

Căn cứ các Điều 30; 32; 60; 116; 163 Luật tố tụng hành chính; Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B và bà Phạm Thị C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09318/QSDĐ/603QDUB ngày 19/4/2004 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Văn E.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/10/2022, người khởi kiện ông Võ Văn B, bà Phạm Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người kháng cáo ông B, bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của của mình. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện cho rằng khi ông E tiến hành hợp thửa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/04/2004, thì lại bao trùm luôn phần đất diện 478,4m^2 (trong đó có 150m^2 đã giải quyết bằng Quyết định số 37 đang có hiệu lực và 328,4m^2 liền kề với đất của ông E) là đất của ông;

Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 22/8/2022 thể hiện: Phần đất 478,4m^2 ông B bà C tranh chấp, hiện ông E quản lý sử dụng có trồng cây và cất nhà ở từ năm 1993. Theo trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất của ông E có biên bản xác định ranh giới ngày 30/6/2001, được Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Điềm xác nhận (BL 59) thì các chủ sử dụng đất tiếp giáp, trong đó có ông Võ Văn B ký tên giáp ranh.

Quá trình giải quyết vụ án ông B, bà C không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp diện tích 328,4m^2 liền kề với ông E (hướng nam) là nằm trong thửa 33 diện tích 533m^2 mà ông B là đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện D cấp vào ngày 19/4/2004. Hơn nửa, khi đo đạc thực tế thì diện tích đất phía người khởi kiện lớn hơn so với diện tích đất được cấp giấy (558m^2/553m^2); Tại tòa phúc thẩm bà C cũng thừa nhận việc này.

[3]. Từ những nhận định, phân tích trên cho thấy quá trình quản lý, sử dụng đất của các bên không có khiếu nại, tranh chấp, có ranh giới ổn định. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E là đúng qui định Điều 50 Luật Đất đai 2003.

Án sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09318/QSDĐ/603/QĐUB cấp ngày 19/4/2004 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn E là có căn cứ; Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai thu số 0022653 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh A; ông B là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Bộ luật Tố tụng Hành chính;

1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

2. Căn cứ các Điều 30; 32; 60; 116; 163 Luật tố tụng hành chính; Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B và bà Phạm Thị C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09318/QSDĐ/603QDUB ngày 19/4/2004 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Văn E.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được đối trừ theo biên lai thu số 0022653 ngày 04/10/2022

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh A, đương sự đã nộp đủ tiền; riêng ông Võ Văn B là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 19bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Văn Kết